

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN SƠN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2022/HS-ST

Ngày 29 - 9 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Nhật Quang

Ông Vi Văn Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, Tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trọng Sơn và ông Hà Văn Nhiên - KSV.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2022; Đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lương Văn T1, sinh ngày 05/10/1992 tại huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Bản Ng, xã T, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Văn H và bà Lò Thị Ch; Bị cáo có vợ là Hà Thị T và 01 con (sinh năm 2017); Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/5/2022 cho đến nay; Có mặt.

2. Họ và tên: Lò Văn T2, sinh ngày 04/3/1987 tại huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Bản Ng, xã T, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn B (Đã chết) và bà Lò Thị D; Bị cáo có vợ là Lò Thị Nh và 02 con (Con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2007); Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/5/2022 cho đến nay; Có mặt.

*** Người chứng kiến:** Anh Hà Văn T, sinh năm 1994; Trú tại: Bản B, xã T, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 18 giờ 00 phút ngày 21/5/2022 tại bản Ng, xã T, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Đoàn biên phòng Tam Th phát hiện bắt quả tang đối tượng có tên là Lò Văn T2, sinh năm 1987, trú tại Bản Ng, xã T, huyện Quan Sơn đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tiến hành kiểm tra phát hiện và thu giữ tại cổ tay áo mưa bên phải mà T2 đang mặc có 01 (một) gói nilon màu trắng, bên trong có chứa 10 (mười) viên nén màu hồng, Lò Văn T2 khai đó là ma túy tổng hợp. Ngoài ra Đoàn biên phòng Tam Thanh còn thu giữ của Lò Văn T2 01 (một) xe Mô tô nhãn hiệu Wave α màu đen bạc BKS: 36H7-02375, số khung 1204AY07331, số máy: 12E2578361; 01(một) điện thoại di động màu đen nhãn hiệu OPPO, số IMEI 1: 866531046536238; số IMEL 2: 66531046536220, có 02 số thuê bao kèm theo gồm: 0972406750 và số 0868323413. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lò Văn T2 không phát hiện, thu giữ gì.

Tại bản kết luận giám định số: 1807/KL-KTHS ngày 23/5/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận 10 (mười) viên nén màu hồng, ở từng viên có ký hiệu WY của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 1,017g (một phẩy không một bảy gam) loại: Methamphetamine.

Ngày 23/5/2022, Đoàn Biên phòng Tam Thanh đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số: 01/QĐ-KTVA về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 249 của BLHS. Ngày 24/5/2022 vụ án được chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn để điều tra theo thẩm quyền.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn tiến hành lấy lời khai Lò Văn T2. Quá trình làm việc với Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn, Lò Văn T2 khai nhận số ma túy mà T2 bị Đoàn biên phong Tam Thanh thu giữ là do T2 mua của Lương Văn T1, sinh năm 1992, trú tại bản Ng, xã T, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ lời khai của Lò Văn T2, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Lương Văn T1, đồng thời lập biên bản thu giữ tài sản, đồ vật gồm: 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu OPPO số IMEI 1: 869002030664433; số IMEL 2: 689002030664425, không gắn số thuê bao; 01 (một) điện thoại di động màu xanh đen, nhãn hiệu itel, số IMEI 1: 358408138063725; số IMEL 2: 358408138063733, có gắn 02 số thuê bao kèm theo gồm 0926572430 và số 0969329914. Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn, Lương Văn T1 đã thừa nhận hành vi đã bán cho Lò Văn T2 10 (mười) viên ma túy tổng hợp vào ngày 21/5/2022. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lương Văn T1 không thu giữ gì.

Quá trình điều tra, Lương Văn T1 và Lò Văn T2 khai nhận bản thân đều là

những đối tượng nghiện ma túy và có quen biết nhau. Ngày 13/5/2022 Lương Văn T1 đến khu vực biên giới Việt - Lào mua của một người dân ông Quốc tịch Lào số lượng 10 (mười) viên ma túy tổng hợp với giá 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhằm mục đích vừa sử dụng vừa bán kiếm lời. Chưa kịp sử dụng thì vào khoảng 16 giờ ngày 21/5/2022, Lò Văn T2 gọi điện thoại cho Lương Văn T1 để hỏi mua ma túy nhưng T1 trả lời “Không có”. Thấy T1 nói vậy, T2 tiếp tục gọi điện cho T1 thêm một đến hai lần nữa nhưng T1 không nghe máy. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T2 điều khiển xe Mô tô BKS: 36 H7-02375 (xe của T2) đến nhà T1 để hỏi mua ma túy. Gặp T1, T2 hỏi mua ma túy thì T1 trả lời “Đợi tý, ra ngoài đợi”. Một lúc sau thì T1 đi xe mô tô BKS: 36H7-11317 (xe thuộc quyền sở hữu của chị Hà Thị T là vợ T1) ra chỗ T2 đang đợi (cách nhà T1 khoảng hơn 100m). Tại đây, T1 đưa cho T2 01 túi nilon màu trắng, bên trong có chứa 10 viên ma túy tổng hợp, T2 đưa cho T1 tờ tiền mệnh giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), số tiền này T1 đã đưa cho vợ là Hà Thị T chi tiêu phục vụ cuộc sống gia đình. Việc Lương Văn T1 mua ma túy về cất giấu ở nhà để sử dụng và bán kiếm lời chỉ một mình T1 làm, trong gia đình T1 không ai biết và không tham gia.

Đối với chiếc xe Mô tô nhãn hiệu Wave α màu đen bạc BKS: 36H7-02375, Lò Văn T2 đã có đơn ủy quyền cho vợ là chị Lò Thị Nh xin nhận lại tài sản. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn đã giao lại tài sản trên cho chị Nh theo quy định.

Đối với chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu OPPO số IMEI 1: 869002030664433; số IMEL 2: 689002030664425, không gắn số thuê bao của Lương Văn T1 mua về cho con nhỏ sử dụng vào mục đích học tập và giải trí, không liên quan đến hành vi phạm tội của T1. Lương Văn T1 đã có đơn ủy quyền cho vợ là chị Hà Thị T xin nhận lại tài sản nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn đã giao lại tài sản trên cho chị T theo quy định.

Vật chứng của vụ án thu giữ của Lương Văn T1 và Lò Văn T2 gồm:

- Toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong và 09 (chín) viên nén màu hồng, ở từng viên có ký hiệu WY có tổng khối lượng là 0,914g (không phải chín một bốn gam) là mẫu vật còn lại sau giám định. Tất cả được đựng trong một phong bì niêm phong mẫu vật do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Lê Minh Tiến, Vũ Văn Oanh và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

- 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu OPPO có 02 (hai) số thuê bao di động kèm theo máy: 0972406750 và 0868323413, số IMEI 1: 866531046536238; số IMEL 2: 66531046536220, tình trạng đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động màu xanh đen, nhãn hiệu “itel”, số IMEI 1: 358408138063725; số IMEL 2: 358408138063733, kèm theo 02 (hai) số thuê bao là 0926572430 và 0969329914.

Số vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự

huyện Quan Sơn để xử lý theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số: 14/CT-VKSQS, ngày 16/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa (VKSND) đã truy tố bị cáo Lương Văn T1 về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 của BLHS; Truy tố bị cáo Lò Văn T2 về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS.

Đại diện VKSND huyện Quan Sơn tại phiên tòa luận tội đối với các bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Lương Văn T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo Lò Văn T1 phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của BLHS, xử phạt bị cáo Lương Văn T1 mức án từ 36 (Ba mươi sáu) đến 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của BLHS, xử phạt bị cáo Lò Văn T2 mức án từ 24 (Hai mươi bốn) đến 30 (Ba mươi) tháng tù. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của BLHS, điểm a, b khoản 2 Điều 106 của BLTTHS để tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong và 09 (chín) viên nén màu hồng, ở từng viên có ký hiệu WY có tổng khối lượng là 0,914g (không phải chín một bốn gam) là mẫu vật còn lại sau giám định; Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước gồm: 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu OPPO có 02 (hai) số thuê bao di động kèm theo máy: 0972406750 và 0868323413; 01 (một) điện thoại di động màu xanh đen, nhãn hiệu “itel”, kèm theo 02 (hai) số thuê bao là 0926572430 và 0969329914; Truy thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) do Lương Văn T1 có được từ hành vi bán ma túy cho Lò Văn T1. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, Lương Văn T1 và Lò Văn T2 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, không có ý kiến gì đối với các văn bản tố tụng hình sự, cũng như lời khai của người chứng kiến và các tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Lời khai báo của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn thống nhất với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, lời khai của người chứng kiến, Kết luận giám định và các văn bản tố tụng hình sự khác, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập theo trình tự luật định, phản ánh đúng sự thật khách quan của vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Lương Văn T1 và Lò

Văn T2 đều là những đối tượng nghiện ma túy, Lương Văn T1 đã mua ma túy rồi đem cất giấu bán kiếm lời và sử dụng. Do quen biết nhau nên chiều ngày 21/5/2022, Lò Văn T2 đã đến nhà Lương Văn T1 ở Bản Ng, xã T, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa mua 10 viên ma túy có tổng khối lượng 1,017g (một phẩy không một bảy gam) loại Methamphetamine với giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để sử dụng. Hành vi bán trái phép 1,017g (một phẩy không một bảy gam) loại Methamphetamine vào ngày 21/5/2022 của Lương Văn T1; Hành vi tàng trữ trái phép 1,017g (một phẩy không một bảy gam) loại Methamphetamine của Lò Văn T2 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền về ma túy của nhà nước. Như vậy, Cáo trạng của VKSND huyện Quan Sơn truy tố bị cáo Lương Văn T1 về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 của BLHS, bị cáo Lò Văn T2 về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, HĐXX thấy rằng: Hành vi của Lương Văn T1 là nghiêm trọng, bởi hành vi mua bán trái phép chất ma túy của T1 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Việc đấu tranh với tội phạm ma túy hiện nay là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn Dân, hiểm họa về ma túy đã đẩy nhiều người, nhiều gia đình, nhiều thế hệ vào vòng lao lý, làm xói mòn về đạo đức, làm suy thoái về giống nòi, là nguyên nhân dẫn tới làm phát sinh nhiều tội phạm khác, đồng thời hành vi đó đã tiếp tay làm gia tăng tệ nạn ma túy trên địa bàn dân cư. Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Lò Văn T2 là nguy hiểm cho xã hội, đặc biệt là cho chính bản thân bị cáo. Do ham muốn của bản thân nên đã chủ động đến nhà Lương Văn T1 mua ma túy về cất giấu để sử dụng. Hành vi của bị cáo gây hủy hoại cho sức khỏe, làm mất khả năng lao động, làm thần kinh bị tổn thương, gây rối loạn hành vi, thoái hóa nhân cách, gây tác hại lâu dài cho giống nòi, gây tổn thương về tình cảm, sức khỏe, tiền bạc của bản thân và các thành viên khác trong gia đình. Hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, làm mất trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân và cũng là nguyên nhân làm phát sinh, gia tăng các loại tội phạm. Vì vậy, cần có đường lối xử lý nghiêm khắc đối với các bị cáo nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự (TNHS) đối với các bị cáo:

* Về nhân thân: Các bị cáo Lương Văn T1 và Lò Văn T2 lần đầu phạm tội, không có tiền án, tiền sự.

* Tình tiết giảm nhẹ TNHS: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

* Tình tiết tăng nặng TNHS: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng

TNHS.

[4] Về hình phạt: Từ những nhận xét, đánh giá trên, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt, biết chấp hành pháp luật. Tuy nhiên, cần nhắc đến tình tiết giảm nhẹ TNHS nêu trên để quyết định mức hình phạt phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo đạt lý, thấu tình, cũng như thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo thuộc đối tượng nghiện ma túy, là lao động tự do, không có công việc ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, không có khả năng thi hành án. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng:

- Toàn bộ chất ma túy còn lại là mẫu vật sau giám định là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- Chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu OPPO có 02 (hai) số thuê bao di động kèm theo máy: 0972406750 và 0868323413, số IMEI 1: 866531046536238; số IMEI 2: 66531046536220, tình trạng đã qua sử dụng của Lò Văn T2 sử dụng gọi điện cho Lương Văn T1 nhằm mục đích để hỏi mua ma túy nên cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

- Chiếc điện thoại di động màu xanh đen, nhãn hiệu “itel”, số IMEI 1: 358408138063725; số IMEI 2: 358408138063733, kèm theo 02 (hai) số thuê bao là 0926572430 và 0969329914 của Lương Văn T1 mà Lò Văn T2 gọi đến để hỏi mua ma túy nhưng T1 trả lời là “không có”. Tuy nhiên, chiếc điện thoại đã cũ, bị cáo T1 không đề nghị được nhận lại nên xem xét tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

(Số vật chứng trên hiện đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự (THADS) huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa).

[6]. Về các tình tiết liên quan:

- Số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) mà Lương Văn T1 có được từ hành vi bán ma túy cho Lò Văn T2 là tiền do T1 thu lợi bất chính mà có, T1 vẫn chưa giao nộp lại nên cần truy thu nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

- Trong vụ án này có người đã bán ma túy cho Lương Văn T1. T1 chỉ biết người đàn ông này mang quốc tịch Lào, không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, nên không thể xác định được. Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn tiếp tục điều tra, xác minh nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

[7]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.
 Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm b, c khoản 1 Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của BLTTHS đối với bị cáo Lương Văn T1.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm a, c khoản 1 Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS đối với bị cáo Lò Văn T2.

*** Tuyên bố:**

- Bị cáo Lương Văn T1 phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.
- Bị cáo Lò Văn T2 phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

*** Xử phạt:**

- Bị cáo Lương Văn T1 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (24/5/2022).
- Bị cáo Lò Văn T2 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (21/5/2022).

*** Về xử lý vật chứng:**

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong và 09 (chín) viên nén màu hồng, ở từng viên có ký hiệu WY có tổng khối lượng là 0,914g (không phải chín một bốn gam) là mẫu vật còn lại sau giám định. Tất cả được đựng trong một phong bì niêm phong mẫu vật do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Lê Minh Tiến, Vũ Văn Oanh và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu OPPO có 02 (hai) số thuê bao di động kèm theo máy: 0972406750 và 0868323413, số IMEI 1: 866531046536238; số IMEI 2: 66531046536220, tình trạng đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động màu xanh đen, nhãn hiệu “itel”, số IMEI 1: 358408138063725; số IMEI 2: 358408138063733, kèm theo 02 (hai) số thuê bao là 0926572430 và 0969329914, tình trạng đã qua sử dụng.

Số vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục THADS huyện Quan Sơn, theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/8/2022.

- Truy thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) do Lương Văn T1 có được từ hành vi bán ma túy cho Lò Văn T2.

*** Về án phí:** Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 23 và danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc Lương Văn T1 và Lò Văn T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:** Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của BLTTHS. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quan Sơn;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Quan Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quan Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Tuấn